

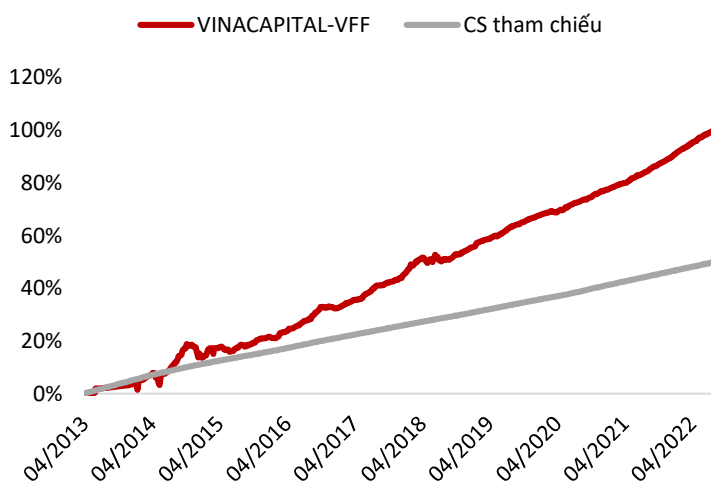
VINACAPITAL-VFF

Chiến lược đầu tư

Mang lại lợi nhuận hấp dẫn và ổn định từ vốn đầu tư gia tăng giá trị, trái tức và các công cụ gia tăng giá trị khác.

Tối thiểu 80% tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ phân bổ vào trái phiếu chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh, trái phiếu địa phương, giấy tờ có giá phát hành bởi các tổ chức tín dụng hàng đầu, và công cụ tiền gửi tiết kiệm ngắn hạn.

Tăng trưởng NAV từ ngày thành lập



Số liệu thể hiện là kết quả đầu tư trong quá khứ, không đại diện cho kết quả đầu tư trong tương lai. Sẽ có biến động đối với vốn gốc và lợi nhuận đầu tư do đó NĐT có thể lời hoặc lỗ khi thực hiện bán chứng chỉ quỹ. Kết quả đầu tư hiện tại có thể cao hơn hoặc thấp hơn so với số liệu được trích dẫn tại báo cáo này.

Hiệu suất đầu tư của quỹ VINACAPITAL-VFF

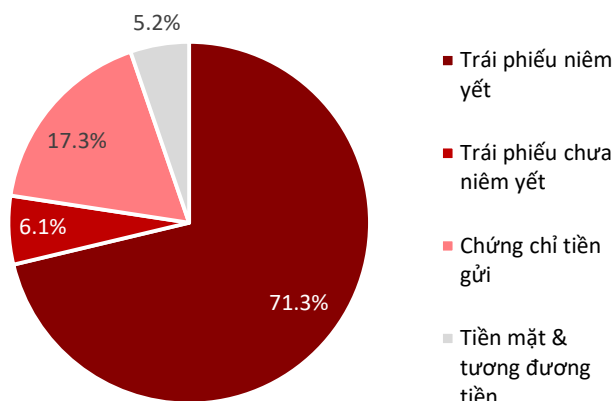
	VINACAPITAL-VFF	CSTC
Tổng tài sản (tỷ VNĐ)	947.8	
Giá trị tài sản ròng/CCQ (VNĐ)	20,011.4	
Lợi nhuận tháng 07/2022 (%)	0.6	0.5
Lợi nhuận từ đầu năm 2022 (%)	4.7	3.2
Lợi nhuận trung bình 3 năm (%)	6.9	5.2
Lợi nhuận trung bình hàng năm từ khi thành lập(%)	7.7	4.4
Lợi nhuận từ ngày thành lập (%)	100.1	50.0

\* CSTC: Chỉ số tham chiếu (Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý)

Bộ phận Quan hệ Nhà đầu tư: [irwm@vinacapital.com](mailto:irwm@vinacapital.com)  
Tel: +84 28 38 27 85 35

Phân bổ tài sản

% Giá trị tài sản ròng



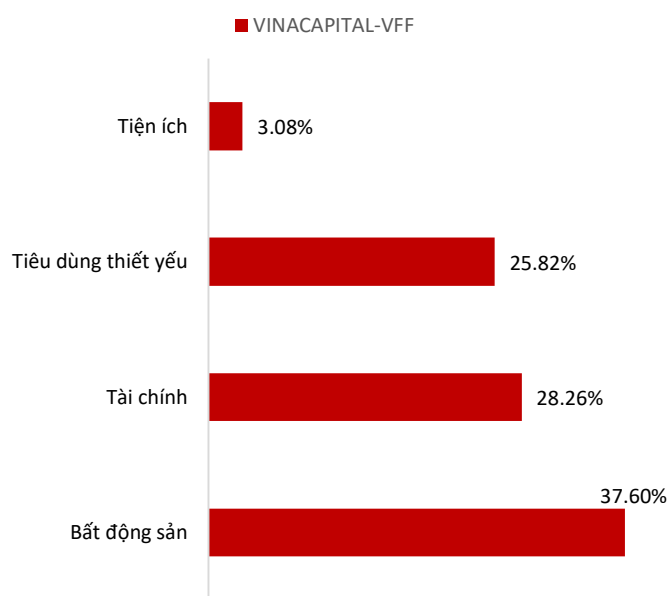
Thông tin quỹ

Ngày thành lập	1/4/2013
Phí quản lý	0.95%/năm
Phí phát hành	0.0%
Phí mua lại	2.0% < 12 tháng 0.5% >= 12 tháng 0.0% >= 24 tháng
Ngân hàng Giám sát và Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
Công ty kiểm toán	PwC Việt Nam
Tần suất giao dịch	Thứ Ba và thứ Năm hàng tuần Bình quân lãi suất tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng thanh toán lãi cuối kỳ của 4 ngân hàng cổ phần thương mại nhà nước gồm Vietcombank, BIDV, VietinBank và Agribank.
Chỉ số tham chiếu (CSTC)	

Chỉ số danh mục đầu tư

Thời gian đáo hạn bình quân	1.23
Lợi suất khi đáo hạn (%)	8.42

**Chiến lược đầu tư**



**Danh mục đầu tư lớn**

Tổ chức phát hành	Tỉ trọng (%)	Lợi suất (%)	Chu kỳ đáo hạn (năm)
KBC	14.0	10.0	0.8
TN1	11.0	10.0	2.2
VND	10.9	8.4	2.2
MML	10.7	9.2	3.2
VIET CREDIT	8.5	8.4	0.8

**Cập nhật thị trường và quỹ VINACAPITAL-VFF**

Trong tháng 7, thị trường mở tiếp tục sôi động và có thể nói là một trong những tháng sôi động nhất từ năm 2018. Khoảng 248,8 nghìn tỷ đồng tín phiếu kho bạc đã được phát hành trong ba tuần đầu của tháng để giảm áp lực dư thừa thanh khoản trên thị trường nhằm giảm bớt áp lực lạm phát và tỷ giá. Tuy nhiên trong tuần cuối của tháng, thanh khoản đột nhiên sụt giảm nhanh chóng, khả năng bởi lượng việc hút lượng lớn tiền và bán ngoại tệ của NHNN trong suốt tháng 7. NHNN trong tháng đã đổi cơ chế hoạt động reversed repo từ đấu thầu khối lượng (cố định lãi suất trúng thầu) sang đấu thầu lãi suất (cố định khối lượng) với lãi suất sàn là 3.5%. Do đó tạo ra sàn lãi suất tối thiểu cho lãi suất OMO và do đó duy trì chênh lệch lãi suất giữa đồng VNĐ và đồng USD ở trạng thái dương, giảm áp lực lên tỷ giá. Tới cuối tháng 7, lãi suất qua đêm liên ngân hàng ở mức 4,2%, tăng 335 điểm cơ bản so với tháng trước.

Lợi suất TPCP trên thị trường thứ cấp tăng mạnh trên các kỳ hạn, đặc biệt ở kỳ hạn ngắn, phản ánh thanh khoản thị trường. Cụ thể, lợi suất trái phiếu trên hầu hết các kỳ hạn tăng khoảng 11-77 điểm cơ bản so với tháng trước, và tăng từ 106-234 điểm cơ bản so với đầu năm. Trên thị trường sơ cấp lại khá yên ắng, với khối lượng trúng thầu giảm gần 40% so với tháng trước mặc dù tỷ lệ đặt thầu vẫn cải thiện ở mức 1,5 so với mức 1,4 lần trong tháng 6. Do đó, lãi suất trúng thầu tăng nhẹ khoảng 3-5 điểm cơ bản. Tuy nhiên, từ đầu năm tới nay, KBNN mới hoàn thành 21% kế hoạch phát hành năm do áp lực từ giải ngân đầu tư công còn thấp và đặc biệt với việc ngân sách đang thặng dư như hiện nay.

Trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp, có khoảng 20,35 nghìn tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp được phát hành trong tháng thông qua phát hành riêng lẻ, (giảm 74% so với cùng kỳ năm trước. Về cơ cấu phát hành, nhóm ngành ngân hàng chiếm đa số với tỷ trọng 76% tổng giá trị phát hành. Nhóm ngành bất động sản lại gần như đóng băng với chỉ 2,5 nghìn tỷ được phát hành trong tháng 7; chứng kiến mức sụt giảm 91% so với cùng kỳ.

**Lợi nhuận hàng tháng**

	T1	T2	T3	T4	T5	T6	T7	T8	T9	T10	T11	T12	LN từ đầu năm
2020	0.39%	0.48%	-0.25%	0.46%	0.87%	0.64%	0.41%	0.52%	0.36%	0.73%	0.64%	0.27%	5.67%
2021	0.57%	0.54%	0.36%	0.60%	0.63%	0.59%	0.60%	0.91%	0.52%	0.59%	0.67%	0.88%	7.72%
2022	0.80%	0.59%	0.68%	0.74%	0.75%	0.48%	0.59%						4.72%

**Thông tin quan trọng**

Những thông tin trong đây do Công ty cổ phần quản lý Quỹ VinaCapital (“Công ty”) soạn thảo và có thể được cập nhật, hoàn chỉnh, sửa đổi, điều chỉnh và xác nhận thêm mà không cần phải thông báo.

Thông tin không cấu thành hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc ga găm mua hoặc đăng ký mua bất kỳ cổ phiếu nào cũng như không tạo thành cơ sở hoặc liên quan đến hoặc hành động như là sự thuyết phục tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước lượng hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ xác nhận hoặc cập nhật những thông tin trong tương lai nếu sự ước lượng hoặc ý kiến về tình huống hoặc quản lý thay đổi.